TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 28/2026/QĐST-DS	*Đ, ngày 28 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 503/2025/TLST- DS ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng H

Địa chỉ: 25 Bis Nguyễn Thị Minh K, phường S, Thành phố H1

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ - chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Hữu Đ: Ông Lê Anh T, sinh năm 1977

Chức vụ: Giám đốc H Chơn Thành kiêm Phó Giám đốc Chi nhánh B

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Anh T tham gia tố tụng:

1. Ông Lê Văn Th, sinh năm 1989 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ

Địa chỉ liên hệ: Khu phố A, phường C, tỉnh Đ

2. Bà Trần Ngọc Nhựt V, sinh năm 1996 - Chức vụ: Chuyên viên khách hàng

Địa chỉ liên hệ: Khu phố M1, phường M, tỉnh Đ

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984

2. Bà Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường C, tỉnh Đ

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hồng M là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984, địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường C, tỉnh Đ

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Vào ngày 20/7/2026, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng M có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng H số tiền nợ là **1.121.148.096** (Một tỷ một trăm hai mươi mốt triệu một trăm bốn mươi tám nghìn không trăm chín mươi sáu) đồng, bao gồm:

- Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức 33473/23MN/HĐTD ngày 13/11/2023; Phụ lục Hợp đồng tín dụng hạn mức 33473/23MN/HĐTD/PL01 ngày 20/6/2024; Giải ngân theo Khế ước nhận nợ số 33473/23MN/HĐTD/KUNN01 ngày 14/11/2023, tổng số tiền còn nợ Ngân hàng tạm tính đến 20/01/2026 là **877.175.933** (Tám trăm bảy mươi bảy triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc là **700.000.000** (Bảy trăm triệu) đồng, nợ lãi trong hạn là **14.155.342** (Mười bốn triệu một trăm năm mươi lắm nghìn ba trăm bốn mươi hai) đồng, nợ lãi quá hạn, lãi chậm trả là **163.020.591** (Một trăm sáu mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn năm trăm chín mươi mốt) đồng.

- Theo Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm dịch vụ ngày 28/11/2023, tổng số tiền còn nợ Ngân hàng tạm tính đến 20/01/2026 là **243.972.163** (Hai trăm bốn mươi ba triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn một trăm sáu mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc là **149.929.263** (Một trăm bốn mươi chín triệu chín trăm hai mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi ba) đồng, nợ lãi trong hạn là **91.744.954** (Chín mươi mốt triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm năm mươi bốn) đồng, lãi quá hạn là **2.297.946** (Hai triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi sáu) đồng.

2.2. Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng M phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng H kể từ ngày 21/01/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2.3. Trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng H có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để ưu tiên thu hồi nợ.

Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2149, tờ bản đồ 5, diện tích 260,1m^2 tại khu phố A, phường M, thị xã C, tỉnh B (nay là khu phố A, phường M, tỉnh Đ), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 583286, số vào sổ cấp GCN số: CS 15424 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đ) cấp ngày 24/6/2021.

2.4. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng M vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng H.

2.5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng M chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 22.817.000 (Hai mươi hai triệu tám trăm mười bảy nghìn) đồng. Trả lại cho Ngân hàng H số tiền 5.844.000 (Năm triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010042 ngày 02/12/2025 và số tiền 16.498.000 (Mười sáu triệu bốn

trăm chín mươi tám nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001792 ngày 20/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ.

2.6. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 5.000.000 (Năm triệu) đồng, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng M tự nguyện chịu. Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Hồng M có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền tạm ứng chi phí tố tụng 5.000.000 (Năm triệu) đồng mà Ngân hàng đã đóng, cho Ngân hàng H, thời hạn thực hiện cùng với thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND khu vực 10 - Đ.
- THADS tỉnh Đ;
- Phòng THADS khu vực 10 - Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Ngọc Mai Phương